

TÒA ÁN NHÂN DÂN - HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/ HNGĐ - ST
Ngày 19/6/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mão

Ông Nguyễn Văn Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T- sinh năm 1985

HKTT: Xóm Bái, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tạm trú tại: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lê Văn T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, vắng mặt anh T2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa chị T trình bày: Chị kết hôn với anh T2 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T2 hay uống rượu, ghen tuông nên thường xuyên đánh đập chị T một cách vô cớ. Chị T đã luôn cố gắng chịu đựng để vợ chồng chung sống nuôi dạy các con, nhưng anh T2 không thay đổi, thường xuyên đánh đập, xúc phạm chị và gia đình chị một cách vô cớ. Mỗi khi chị T đi làm tăng ca về muộn là anh T2 lại đánh đập chị, do chị T không thể chịu đựng được những lần đánh đập và ghen tuông của anh T2 nên tháng 6/2018 chị đã xin phép bố mẹ chồng cho chị đi ở nhờ nhà chú họ. Anh T2 lại tiếp tục chửi bới đánh đập chị nên khoảng tháng 8 năm 2018 chị phải thuê nhà trên thành phố Tam Điệp ở và cũng từ đó đến nay chị và anh T2 đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T2 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn đối với anh T2.

Về con chung: Vợ chồng chị T anh T2 có ba con chung tên cháu là Lê Thị Trà M, sinh ngày 02/6/2009; cháu Lê Mạnh P, sinh ngày 26/12/2010; cháu Lê Mạnh C, sinh ngày 21/02/2015. Hiện nay cả ba cháu đang do anh T2 trông nom, chăm sóc. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng ba cháu không yêu cầu anh T2 phải đóng góp phí tổn nuôi con chung, nếu anh T2 không nhất trí thì chị xin được nuôi dưỡng cháu C, anh T2 nuôi dưỡng cháu M, cháu P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng có một mảnh đất đất ở diện tích 140m² tại thửa đất số 404 tờ bản đồ số 13 địa chỉ thửa đất xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T được UBND huyện Yên Mô cấp ngày 25/11/2014. Trên đất vợ chồng có xây một nhà mái bằng hai tầng khoảng 80m² xây năm 2016.

Về công nợ: Chị và anh T2 có vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên Mô số tiền gốc 95.000.000đ; nợ ông Lê Văn T3, địa chỉ xóm B, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình với số tiền 20.000.000đ; nợ ông Lê Văn C, địa chỉ tỉnh Thái Nguyên với số tiền 10.000.000đ; nợ ông Nguyễn Xuân N, địa chỉ thôn 8, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nợ ông Lê Văn T và bà Phạm Thị M, địa chỉ xóm B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với số tiền 50.000.000đ.

Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2019 chị T đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai anh T2 trình bày: Anh kết hôn với chị T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 nghi ngờ chị T có đi ngoại tình với người đàn ông tên là B nên dẫn đến anh đã đánh đập, chửi bới chị T. Do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, nên chị T đã ra nhà trọ ở. Từ tháng 6 năm 2018 anh và chị T đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh ốm đau chị T cũng không quan tâm gì đến anh. Anh cũng có khuyên bảo chị T vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn để về đoàn tụ nhưng chị T không quay về và làm đơn xin ly hôn. Anh T2 xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Về con chung như chị T trình bày là đúng, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cả ba cháu M, cháu P và cháu C và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Về tài sản chung và công nợ của vợ chồng như chị T vừa trình bày là đúng, khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, có trách nhiệm trả toàn bộ công nợ trên và thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị T.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2019 Ủy ban nhân dân xã Y đã cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T2 lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2008. Sau khi kết hôn chị T và anh T2 chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 hay uống rượu, ghen tuông, chửi bới và xúc phạm chị T. Anh T2 nhiều lần đánh đập chị T, nên dẫn đến chị T đã phải đi ở nhờ nhà chú họ, nhưng sau đó anh T2 vẫn ghen tuông, đánh đập chị T, sau đó chị T đã phải bỏ lên thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình ở; vợ chồng chị T và anh T2 đã sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện về phần tình cảm và con chung và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh

T2 và chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chiến. Anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giao cháu My, cháu Phúc và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T vẫn giữ nguyên đơn xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và công nợ chung của vợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô nghiên cứu đúng thời gian. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật không đến Tòa án tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn T2 theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T cho chị T được ly hôn đối với anh T2.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trà M, sinh năm 2009; cháu Lê Mạnh P, sinh năm 2010 cho anh T2 tiếp tục trông nom chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Lê Mạnh C, sinh năm 2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về phân chia tài sản chung và công nợ của vợ chồng.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị Tsố tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung và công nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Lê Văn T2 và đề nghị giải quyết về con chung. Cả chị T và anh T2 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Bái, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã thụ lý vụ tranh chấp ly hôn và con chung là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn T2 nhiều lần không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã tổng đạt các thông báo phiên hòa giải và tổng đạt hợp lệ giấy báo phiên tòa hai lần nhưng anh T2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn T2 là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T2 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T và anh T2 chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T2 hay uống rượu và nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến anh T2 thường xuyên đánh đập, xúc phạm chửi bới chị T và gia đình chị Thom. Chị T luôn cố gắng chịu đựng những lần anh T2 đánh đập vì thương các con còn nhỏ, nhưng anh T2 không sửa chữa luôn đánh đập, xúc phạm đến chị Thom. Đến tháng 8/2018 do không chịu được những lần anh T2 đánh đập nên chị T đã phải thuê nhà ở xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp ở và vợ chồng anh T2, chị T đã sống ly thân từ đấy không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn anh T2, còn anh T2 không đồng ý ly hôn chị T và anh T2 cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Thom. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T2 khai vẫn còn tình cảm với chị T nhưng khi vợ chồng chung sống anh T2 cũng thừa nhận có đánh đập chị Thom, trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân anh T2 cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, khi chị T nộp đơn ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải anh T2 không có mặt để tìm giải pháp cho mâu thuẫn vợ chồng của anh chị. Chính quyền địa phương nơi anh T2 chị T cư trú cũng xác nhận anh chị mâu thuẫn vợ chồng đã lâu,

anh T2, chị T thường xuyên đánh chửi và không tôn trọng nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T2 là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T2 có ba con chung cháu Lê Thị Trà M. sinh ngày 02/6/2009; cháu Lê Mạnh P, sinh ngày 26/12/ 2010; cháu Lê Mạnh C, sinh ngày 21/02/ 2015. Tại phiên tòa chị T đề nghị được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Mạnh C và chị T chứng minh việc thu nhập bình quân của chị mỗi tháng là 9.500.000đ và đang thuê nhà ở ổn định tại thành phố Tam Điệp. Anh T2 đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, đồng thời đảm bảo việc sinh hoạt, ổn định học tập của các cháu và xem xét đến nguyện vọng của cháu M, cháu P đều muốn ở với bố, nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh Lê Văn T2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thị Trà M, cháu Lê Mạnh P. Cháu Lê Mạnh C hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên cần giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình. Anh T2 chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T2, chị T không bên nào được cản trở việc thăm nom con chung của nhau.

[4] Tài sản chung và công nợ: Ngày 04/4/2019 chị T đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy, chị Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng.

[5] Án phí: - Án phí ly hôn: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn đối với anh Lê Văn T2. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T2 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Lê Mạnh T2 được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Thị Trà M - sinh năm 2009; cháu Lê Mạnh P - sinh năm 2010.

- Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Lê Mạnh C - sinh ngày 21/02/ 2015.

Anh T2, chị T không bên nào được cản trở việc thăm nom con chung của nhau.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T2.

4. Án phí:

- *Án phí ly hôn*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001979 ngày 26/2/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung là 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001988 ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa